

Số: 1104/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 976/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trịnh Thị B; địa chỉ: K, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Đào Ngọc K; địa chỉ: K, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Trịnh Thị B và ông Đào Ngọc K là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận K hôn số 11 quyển số 01/2003 ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 11/6/2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/7/2022, bà Trịnh Thị B và ông Đào Ngọc K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Hai đương sự xác định có 01 con chung tên Đào Ngọc B A sinh ngày 21/8/2006 và thống nhất giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Trịnh Thị B và ông Đào Ngọc K thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Trịnh Thị B và ông Đào Ngọc K thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01/2003 ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đào Ngọc B A sinh ngày 21/8/2006. Ông K cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/8/2022.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trịnh Thị B và ông Đào Ngọc K phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí

đã nộp theo Biên lai số 0048721 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Linh